

Tôn giáo tín ngưỡng của người Chăm

LƯƠNG NINH^(*)

1. Như các dân tộc làm nông nghiệp và nông nghiệp trồng lúa nước khác, người Chăm cổ, chủ nhân của văn hoá Sa Huỳnh cũng thực hành tín ngưỡng và lễ nghi phồn thực, nhưng không như nhiều dân tộc khác, lễ nghi chỉ còn bảo tồn trong một vài hình thức của lễ hội dân gian, người Chăm cổ - Sa Huỳnh làm hẳn một bộ sinh thực khí nam và nữ bằng đất nung (để thờ?) mà các nhà khảo cổ đào được trong lòng đất Long Thanh, nay được lưu giữ ở bảo tàng tỉnh Quảng Ngãi.

Đến khi tiếp nhận ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ, họ theo Hindu giáo, tôn thờ thần Hindu giáo, chủ yếu là thần Shiva, cùng với “phu nhân” là Uma hay Parvati, được biểu trưng bằng ngẫu tượng linga - yoni - hình sinh thực khí nam nữ không phải bằng đất nũa mà bằng đá tạc có quy cách hẳn hoi. Bia Mỹ Sơn có niên đại khoảng thế kỉ IV, cho biết vua Bhadravarman “kính lạy Mahesvara và Uma” (Maha=vĩ đại, Isvara=Shiva). Từ đây về sau, Shiva luôn được tôn thờ ở địa vị chủ yếu và

người ta đã tạc thật nhiều tượng linga, đặt trang trọng trên bàn thờ ở chính giữa đền tháp. Đôi khi ở sân, bên cạnh đền, người ta còn dựng một cặp 2 linga, thậm chí có khi là một bộ 5 linga đứng một hàng trên bệ ở Mỹ Sơn; không biết để làm gì mà cần phải nhấn mạnh một cách cố ý đến như vậy?

Có nhà nghiên cứu cho rằng, ở vương quốc Chăm-pa, vị thần chủ ở Mỹ Sơn có tên gọi là Srisanabhadresvara là thần chủ của toàn vương quốc. Không hẳn như vậy, vẫn là Shiva, nhưng Shiva 3 lần (Sri = thiêng liêng; Isana = Bhava = Isvara = Shiva) là điều muốn nhấn mạnh của vua Harivarman khi dựng tượng linga ở Mỹ Sơn, ở Trà Kiệu (Sinhapura) trên sông Sinhapura, năm 1080, rồi đến vua Sri Jaya Indravarman cũng cho dựng cả ở Pô Nagar (Nha Trang)- một kiểu “văn phòng 2” ở Miền Nam, năm 1234 “để gia tăng niềm sùng tín cho mọi thời” (bia Mỹ Sơn XXIV), nhấn mạnh

*. GS. Trung tâm KHXH&NVQG.

mong muốn thống nhất và vương quyền trung ương ở Vijaya. Tuy nhiên, mong muốn này chỉ có hiệu quả vừa phải. Cũng vẫn là tôn thờ Shiva, nhưng thời Đông Dương (850-892) lại gọi là Sambhubhadresvara (gắn Shiva với tên 2 vị vua khởi nghiệp) hay Rudrapamesvara (Rudra = Isvara = Shiva), còn Pô Nagar ở Miền Nam thì gọi là Harilingesvara (Hara = Isvara = linga = Shiva). Như thế, sự phân tán, tản quyền vẫn còn chi phối mạnh mẽ.

2. Đường như có một làn sóng truyền bá Phật giáo đến Champa và Đông Nam á vào khoảng thế kỉ III-IV thời mà nhà sư Ấn Độ Na Già Tiên (Nagasena) đến Phù Nam hành đạo rồi lại được vua nước này phái đi sứ Trung Quốc, năm 484. Có ít nhất 4 pho tượng Phật bằng đồng, ở Anudhapura (Sri Lanca), ở Sulawesi, ở Khorat (đông bắc Thái Lan) cao khoảng 60-70 cm, đã được biết và trưng bày trong các bảo tàng quốc gia, nhưng lớn nhất là pho tượng Đông Dương, cao 1m08, không kể chân đế. Đây là pho tượng Phật đứng (Buddhapad), tay trái cầm vật antaravasaka, tay phải lập ấn vô úy (abhaya mudra), thân áo cà sa kiểu Amaravati đặc trưng, thành làn sóng lăn tăn đều, rất đẹp. Niên đại của phong cách Amaravati là thế kỉ III-IV, nhiều người không tin vào niên đại sớm của pho tượng này, song gần

đây, giáo sư vật lí học trường Đại học Bordeaux- Giáo sư Phạm Văn Hưởng cho biết qua rọi quang phổ thì pho tượng này, cùng với pho tượng ở Sulawesi có niên đại thế kỉ III.

Đường như lại có tiếp một làn sóng truyền bá Phật giáo giữa Ấn Độ- Đông Nam Á- Trung Quốc vào thế kỉ VIII, thời đi thỉnh kinh, đi học và truyền đạo của Nghĩa Tĩnh, Huyền Trang. Nền vương triều Đông Dương- Indrapura (850-982), có tác giả gọi là vương triều Phật giáo, lại có tác giả phản đối vẫn coi là Hindu giáo. Cả hai quan niệm đều không hoàn toàn đúng. Đông Dương có nhiều tượng Phật, có phù điêu sự tích Phật trên tượng nên dài thờ, nhưng thân “quốc gia” thì vẫn là Shiva, cho nên vua Indravarman II (875-898) “vừa có những đức tính của Shiva, lại xin quy thuận Lokesa (=Avalokitesvara)” (bia Đông Dương 1). Cuộc khai quật ở Đại Hữu (Quảng Bình) năm 1927 cho thấy nơi đây được gọi là Pháp Bảo thành (Ratnapura), có tượng Phật và tượng Quan Âm niên đại thế kỉ IX, lại có linga và yoni khá lớn, khắc tên vua Sri Jaya Sinhavarman (898-908). Ở Châu Sa (Quảng Ngãi) có đền thờ Shiva, có linga, lại vừa khai quật được lò gốm, có hàng trăm phù điêu tượng Phật bằng đất nung (terra cotta), rất nhỏ, chỉ cao 5 cm để làm bùa khước. Ở đây, vừa có Phật giáo,

có Shiva, nhưng không phải chỉ có Shiva mà còn có cả đền thờ và tượng Vishnu. Nét đáng chú ý là những tôn giáo khác nhau cùng tồn tại, đan xen trong một vương triều, một thời gian, một vùng.

3. Từ thế kỉ XI, kinh đô chuyển vào trung tâm, gọi là Chà Bàn, Phật Thành hay Phật Thệ (phiên âm của Vijaya), cách Quy Nhơn 20 km về phía bắc. Nhà vua và dân chúng vẫn theo Hindu giáo, thờ Shiva, xây đền tháp trên đồi cao, đặt tượng linga.

Nhưng từ vương triều này, người ta bắt đầu nói đến Hồi giáo (Islam). Có dấu hiệu cho thấy dường như có người Arab Hồi giáo đến làm ăn sinh sống ở Champa, khoảng thế kỉ IX-X; lại có tài liệu cho biết Hồi giáo đã phổ biến đôi chút ở một số người trong hoàng tộc và từ đây lại được truyền bá sang Giava (Indonesia) do quan hệ thân tộc. Tuy nhiên, việc truyền bá vẫn còn hết sức mờ nhạt, trong khi Hindu giáo vẫn giữ địa vị phổ biến, độc tôn. Đền Pô Klong Garai xây cuối thế kỉ XIII là đền thờ Thần-Vua của nước, tượng thờ là Shiva linga và cả Uma-yoni.

Phật Thành suy vong năm 1471, người Chăm co lại ở phía nam Đèo Cả. Người Chăm có quan hệ buôn bán và tiếp xúc nhiều hơn với các nước Hồi giáo ở Sumatra và Malaya, “quốc giáo- Hindu giáo” suy giảm, nên đã

tiếp thu Hồi giáo ngày càng nhiều hơn. Tuy nhiên, việc chuyển tôn giáo cũng rất chậm chạp và hạn chế. Theo Tome Pires, nhà buôn- nhà lữ hành người Bồ Đào Nha đến năm 1515, thì vua Champa không theo đạo Hồi. Lại theo Cornelius Matelief (người Hà Lan), “vua là người vô thần”, tức giữ tôn giáo cũ, Hindu giáo. Có lẽ từ thế kỉ XVII, Hồi giáo mới phổ biến rộng hơn trong tộc người Chăm. Sau vụ biến không thành công của một số người Chăm năm 1693, chúa Nguyễn chuyển dinh Trấn Biên thành Bình Thuận, một bộ phận dân Chăm di cư vào An Giang, một bộ phận ngược sông Mêkông đến cư trú trên đất Kompong Cham ở Campuchia mang theo Hồi giáo, gọi là người Khmer Islam.

Đại bộ phận ở lại Miền Trung, đất cũ của họ làm ăn sinh sống và ngày càng phát triển hơn trong vị thế giao thoa văn hoá Việt- Chăm. Phần lớn những người này vẫn giữ văn hoá truyền thống Chăm- Champa, phần nhỏ theo đạo Hồi, vẫn giữ theo đạo Hồi, nhưng đã phai mờ ít nhiều trong quan hệ tương tác với người Chăm Bàlamôn, người “Chăm cũ” bị gọi là “kẻ vô đạo” (Kaphir), nhưng thực ra họ vẫn có đạo, tức vẫn giữ Hindu giáo cổ truyền.

Là những người đồng tộc, cùng ngôn ngữ (Malayo-Chamic), người

Chăm thường có quan hệ gặp gỡ, thăm viếng nhau và nhất là trong nhiều trường hợp có sự cộng tác với nhau trong lễ nghi tôn giáo và dân tộc, do đó về mặt này, ít nhiều cũng có sự giao thoa, biến đổi trải qua 2 thế kỉ:

a) Đền Pô Klong Garai xây cuối thế kỉ XIII như đã biết, bên trong thờ tượng linga-yoni, tượng trưng Shiva- Uma; cả đền Pô Rôme (đều ở Ninh Thuận) xây khoảng giữa thế kỉ XVII, người dân đã đắp đầu, mặt người lên linga, thậm chí còn có cả 4 tay, được coi là hình tượng vua và hoàng hậu đội mũ chụp (fez) màu đen của người Islam. *Vị Imâm* (Tư tế) đứng đầu cộng đồng dân cư- tín đồ còn được gọi là ông Khù hay Pô Gru, từ Guru vốn là Pháp sư Hindu giáo.

b) Từ thờ Quốc Chủ (Pô Klong Garai- Pô Nagara) chuyển sang đề cao Quốc Mẫu (*Pô Ineu*), hợp với chế độ mẫu hệ. *Ineu* (mẹ) là nhân vật huyền thoại trở thành được tin là người thực để tôn thờ, chẳng hạn là chị em với vua Pô Katip, trở thành “vợ vua Lê” để thờ ở Phố Hải (Bình Thuận), là mẹ đồng trinh sinh ra Pô Klong Garai, là công chúa bán trầm chết đuối ở biển gần Pô Nagar. Do ảnh hưởng văn hoá Hồi giáo, người

ta thêm từ *Sah* (là Vua, tiếng Ba Tư) (*Sah = Pô = Vua*) nên thường gọi Pô/Sah Ineu.

c) Người Chăm ở Miền Trung có lễ Racha Nưng Gar, có tác giả viết là Rija Nugar. Từ này có gốc Khmer Islam. Người Khmer phiên âm Reachea (đọc Riachia) nghĩa là Vua: Riachia=Pô=Sah, Nưng # Neu # Ineu: Mẹ; Gar# Nagara: Nước, xứ sở, có nghĩa là Quốc Mẫu, Quốc Tổ: Tổ Tiên. Bởi thế, trong lễ này cả cộng đồng người Chăm cùng nhau tham gia, không phân biệt Chăm Hồi hay Chăm Bàlamôn, có gì góp nấy để liên hoan (cơm, cá, xôi, gà, vịt, dê v.v...). Như thế, điều quan trọng không phải là nghi thức này khác, đã thêm bớt qua thời gian, mà là ở tính hoà đồng và dân chủ của cộng đồng. Mọi vị đứng đầu đều là Racha (-Haray: Vua Ngày; Ta Dâu: Vua Đêm, Racha Prong: Vua lớn: Lễ cầu mưa, Lễ vào mùa).

Cũng như thế, người Chăm Bàn ở Bình Thuận còn có lễ tảo mộ, là một hình thức tảo mộ thật, có lễ Ramutwan, lễ đổi gạo, giống lễ Pchum Bel của người Khmer, nữ cũng được tham dự. Ở đây, vẫn nổi lên tính cộng đồng, nét đặc trưng văn hoá truyền thống Chăm./.